

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-02-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng;

2. Bà Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17/02/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 252/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2021 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị H1, sinh năm 1981;

Bị đơn: Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1975;

Đều có địa chỉ: Khu dân cư AT, phường AL, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Trương Thị H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Văn T1, sinh năm 1975 vào ngày 19/11/1998 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn An Lưu - nay là phường AL, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời dẫn đến nợ nần. Do mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng nên cuối năm 2018 chị đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn

để giải quyết ly hôn với anh T1 nhưng được gia đình động viên, khuyên bảo nên chị đã rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh T1 không chịu sửa đổi, vẫn chơi bời dẫn đến nợ nần. Chị và anh T1 đã sống ly thân nhau khoảng 1 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Vừa qua anh T1 còn vi phạm pháp luật và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn khởi tố về hành vi đánh bạc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn T1.

- Quan hệ về con chung: Vợ chồng chị có 02 con là: Phạm Quốc C1, sinh ngày 18/01/2001 và Phạm Mai N1, sinh ngày 07/4/2008. Nay ly hôn do con chung Phạm Quốc C1 đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Mai N1 và tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Quan hệ về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn- anh Phạm Văn T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh cũng xác định về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị H1 khai. Sau ngày cưới chị H1 về gia đình anh chung sống. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống gia đình. Do mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng nên chị H1 đã bỏ đi sống ly thân với anh từ tháng 6/2021 đến nay. Nay chị H1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

- Quan hệ về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con như chị H1 khai là đúng. Nay ly hôn vì con Phạm Quốc C1 đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con Phạm Mai N1 có nguyện vọng ở với mẹ nên anh đồng ý giao cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh nhất trí việc chị H1 không yêu cầu anh phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Quan hệ về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị Trương Thị H1 trình bày quan điểm: Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn anh Phạm Văn T1 và có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Phạm Mai N1; trước đây Tòa án đã yêu chị cung cấp tài liệu, chứng cứ là Giấy khai sinh của mình nhưng chị không còn lưu giữ nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Chị xác định chị sinh ngày 06/12/1981 là đúng.

- Anh Phạm Văn T1 trình bày quan điểm: Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Trương Thị H1 nên không đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H1; anh xác định chị Trương Thị H1 sinh ngày 06/12/1981 (theo chứng minh nhân dân) là đúng.

- Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị H1. Xử cho chị Trương Thị H1 được ly hôn anh Phạm Văn T1; quan hệ về con chung: Giao con Phạm Mai N1, sinh ngày 07/4/2008 cho chị Trương Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H1 về việc không yêu cầu anh Phạm Văn T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về án phí: Chị Trương Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị H1 khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn T1 có địa chỉ tại: Khu dân cư AT, phường AL, thị xã Kinh Môn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:*

2.1. Xác định ngày, tháng, năm sinh của chị Trương Thị H1:

Theo Chứng nhận kết hôn (*không có Số và Quyển số*) mà chị Trương Thị H1 cung cấp và Sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1998 lưu giữ tại UBND phường AL đều ghi năm sinh của chị Trương Thị H1 là “1981”. Quan điểm UBND phường AL xác định việc đăng ký kết hôn và ghi năm sinh “1981” của chị Trương Thị H1 là căn cứ vào văn bản giới thiệu của UBND xã MH, trong Sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn ghi họ của chị H1 là “Trần” là ghi nhầm. Hiện chính quyền địa phương phường AL không còn lưu giữ các giấy tờ liên quan đến thủ tục đăng ký kết hôn của chị H1, anh T1; chị H1, anh T1 xác định chị Trương Thị H1 sinh ngày 06/12/1981 theo Chứng minh nhân dân là đúng. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn do chưa đủ tuổi kết hôn nên chị H1 đã khai mình sinh năm 1980 để đủ điều kiện kết hôn.

Để làm rõ ngày, tháng, năm sinh của chị Trương Thị H1, Tòa án đã yêu cầu chị H1 cung cấp giấy khai sinh của mình nhưng do không còn lưu giữ nên chị H1 không cung cấp được. Tòa án đã tiến hành xác minh về ngày, tháng, năm sinh của chị Trương Thị H1 tại: UBND xã MH, UBND phường AL và Phòng Tư pháp - UBND thị xã Kinh Môn nhưng các cơ quan này không còn lưu giữ được Sổ đăng ký khai sinh các năm 1980, 1981.

Xét lời khai của chị Trương Thị H1 và anh Phạm Văn T1 phù hợp với các tài liệu, chứng cứ là các giấy tờ tùy thân khác của chị H1 là: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình nên có căn cứ để xác định chị Trương Thị H1, sinh ngày 06/12/1981 theo Chứng minh nhân dân.

2.2. Xác định điều kiện kết hôn giữa chị Trương Thị H1 và anh Phạm Văn T1: Chị Trương Thị H1, sinh ngày 06/12/1981 đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn T1 vào ngày 19 tháng 11 năm 1998 trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường AL, thị xã Kinh Môn. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Trương Thị H1 có độ tuổi là: 16 tuổi, 11 tháng, 13 ngày. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì việc kết hôn giữa chị Trương Thị H1 và anh Phạm Văn T1 đã vi phạm về điều kiện kết hôn.

2.3. Xác định tình trạng mâu thuẫn: Sau ngày cưới chị H1 về gia đình anh T1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống gia đình. Hai anh chị đã sống ly thân nhau khoảng 1 năm nay, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau; tại biên bản xác minh ngày 12/01/2022, chính quyền địa phương phường AL, thị xã Kinh Môn cung cấp về nguyên nhân mâu thuẫn của chị H1, anh T1 là do anh T1 mãi chơi, không chịu chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Thời gian vừa qua anh T1 còn có hành vi vi phạm pháp luật và bị khởi tố về hành vi đánh bạc.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H1, anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị H1 yêu cầu ly hôn, anh T1 yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân. Xét chị H1, anh T1 đã có đủ điều kiện kết hôn, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H1 được ly hôn anh T1.

[3]. Quan hệ về con chung: Chị Trương Thị H1 và anh Phạm Văn T1 có hai con là Phạm Quốc C1, sinh ngày 18/01/2001 và Phạm Mai N1, sinh ngày 07/4/2008. Do con Phạm Quốc C1 đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên anh T1, chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết; chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị H1, anh T1 về việc giao cho chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm Mai N1. Chị Trương Thị H1 tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Văn T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị H1. Xử cho chị Trương Thị H1 ly hôn anh Phạm Văn T1.

2. Về con chung: Giao cho chị Trương Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Mai N1, sinh ngày 07/4/2008 đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trương Thị H1 về việc không yêu cầu anh Phạm Văn T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Phạm Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị H1 phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị H1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn theo biên lai số AA/2020/0001035 ngày 19/10/2021. Chị Trương Thị H1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường AL, thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Đức Huân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đức Huấn